TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21- 9- 2020
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thanh Mai

2. Bà Đoàn Thị Huyền

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị T- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 78/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị T**, sinh năm 1997 - Có mặt

Nơi ĐKHKTT: Xóm VH, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN.

Chỗ ở hiện nay: Xóm LV, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN.

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1996 - Vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm VH, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, cùng các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN. trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm VH, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến cuối năm

2017 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng, hay cãi chửi nhau. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Đ chơi bời và mắc nghiện ma túy, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2019 cho đến nay.

Nay chị xác định cuộc hôn nhân giữa chị và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đạt.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Quốc A, sinh ngày 09/8/2016. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và chưa yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện nuôi con, hiện chị sống chung với bố mẹ đẻ có nhà ở ổn định, chị đang làm công nhân thu nhập đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn Đ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, anh Đ không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định; do vậy, Tòa án không xác định được lời khai của anh Đ và không tiến hành hòa giải được.

[3]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ tại địa phương nơi cư trú của đương sự về tình trạng hôn nhân. Kết quả xác định: Sau khi kết hôn được một thời gian, anh Đ bị bạn bè xấu rủ rê, lôi kéo nên đã mắc nghiện ma túy. Đầu năm 2019 chị T đã một mình chuyển đi ra ngoài sống, từ đó không trở về chung sống với anh Đ và con nữa.

[4]. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng để giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng các Điều 21, 28, 35, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ .

+ Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Quốc Anh, sinh ngày 09/8/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng: Không xem xét, giải quyết vì chị T chưa có yêu cầu.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét giải quyết vì đương sự không yêu cầu.

+ Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T với bị đơn anh Nguyễn Văn Đ, cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại: xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh Nguyễn Văn Đ theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật tố tụng dân sự; tuy nhiên, anh Nguyễn Văn Đ không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án; do vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử công khai. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn Đ .

[2]. Về nội dung vụ án:

+ *Quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm VH, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, từ cuối năm 2017 trở lại đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng, hay cãi chửi nhau. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Đ mắc tệ nạn xã hội, nghiện ma túy, không tu chí làm ăn.

Qua đó, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Văn Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T là có cơ sở chấp nhận, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ là phù hợp với các quy định của pháp luật.

+ *Về con chung*: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Quốc A, sinh ngày 09/8/2016. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa,

chị T đều có nguyện vọng muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung và chưa yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại chị T có công việc và có thu nhập ổn định đảm bảo các điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không thu thập được lời khai, quan điểm của anh Đ về con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung sau khi vợ chồng ly hôn thì cần giao con chung là Nguyễn Quốc Anh cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho tới khi hai con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T chưa có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 174, Điều 175, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ .

2. Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao con chung là Nguyễn Quốc A, sinh ngày 09/8/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung đối với anh Nguyễn Văn Đ vì chị Nguyễn Thị T chưa có yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn Đ có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng cho con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016621 ngày 23/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Nguyễn Thị T, vắng mặt anh Nguyễn Văn Đ . Báo cho chị T biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã HT, huyện ĐH;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Huy Bắc